

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HS-ST

Ngày: 26 – 8 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Văn Việt.

2/ Bà Phạm Thị Bích Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2019/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HS ngày 07/8/2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Huyền D, sinh năm 1980; Tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn B Th, xã PRT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đức K, sinh năm 1937 và bà: Nguyễn Thị P, Sinh năm 1936; Chồng: Dương Quốc T, sinh năm 1977; Con: Chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã PRT – Do ông Nguyễn Ngọc Th – Chủ tịch làm đại diện.

Địa chỉ: Thôn Bình L, xã PRT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Đặng Văn H, sinh năm: 1964 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn B Th, xã PRT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

*** Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978 (Có mặt).

- Chị Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh năm 1988 (Có mặt).

- Chị Nguyễn Vũ Tường V, sinh năm 1992 (Có mặt).

Tất cả cùng nơi cư trú: Thôn Bình L, xã PRT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Huyền D là công chức: Tài chính - kế toán xã PRT, huyện BB, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PRT phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu phí chợ PRT và nộp tiền vào ngân sách Nhà nước của xã PRT theo quy định.

Ngày 31/12/2015, Ủy ban nhân dân xã PRT, huyện BB tổ chức ký hợp đồng với ông Đặng Văn H về việc: Giao thầu kinh doanh khai thác và quản lý chợ PRT; thời hạn giao thầu là 03 năm (kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/12/2018), giá trị hợp đồng là: 972.000.000 đồng, hàng tháng ông H phải nộp số tiền: 27.000.000 đồng vào các ngày 10 và 25 hàng tháng. Sau khi nhận thầu, ông Đặng Văn H có thỏa thuận với ông Nguyễn S cùng tham gia thu phí chợ PRT và mỗi tháng ông H và ông S mỗi người nộp số tiền: 13.500.000 đồng; ông H chịu trách nhiệm thu tiền và mang nộp cho Ban Tài chính xã PRT. Khoản tiền thu phí chợ PRT được UBND huyện BB phân khai từ đầu năm và được điều tiết 100% cho ngân sách xã PRT.

Trong năm 2016, Nguyễn Thị Huyền D đã thực hiện đúng chức vụ, quyền hạn được giao là thu tiền phí chợ PRT và lập thủ tục nộp tiền cho thủ quỹ của xã, để thủ quỹ nộp số tiền thu được vào ngân sách Nhà nước của xã PRT.

Đến khoảng tháng 01 năm 2017, D nảy sinh ý định lấy khoản tiền thu phí chợ để sử dụng vào mục đích cá nhân, nên D trực tiếp đến nhà ông Đặng Văn H thu số tiền 13.500.000 đồng và đến nhà ông Nguyễn S thu số tiền 13.500.000 đồng, khi thu tiền D không viết biên lai thu tiền cho ông H và không nộp tiền vào ngân sách xã PRT, ông H hỏi: Vì sao không viết biên lai, D trả lời: Để từ từ sẽ viết sau và sau đó D tiếp tục thu tiền phí chợ tháng 02 và tháng 3 năm 2017 của ông H và ông S, nhưng không nộp tiền cho thủ quỹ của xã PRT, nên Nguyễn Vũ Tường V (là thủ quỹ của xã PRT) và Nguyễn Thị Mỹ Th (là kế toán của xã PRT) phát hiện. Th báo sự việc cho ông Nguyễn Văn H là Chủ tịch UBND xã PRT biết, ông H yêu cầu D phải viết biên lai thu tiền và nộp ngay số tiền đã thu phí chợ từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 3 năm 2017) là: 81.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước; D sử dụng biên lai thu tiền phí, lệ phí (do Cục Thuế tỉnh Bình Thuận phát hành) các số 0051601, 0051602, 0051603 ghi: Thu phí chợ các tháng 01, 02, 3 năm 2017 nhưng

không có tiền nộp vào ngân sách xã, nên D gạch chéo, hủy bỏ. Tiếp theo các tháng 4, 5, 6 năm 2017, hàng tháng D đều đến ông H và ông S tiếp tục thu tiền phí chợ (03 tháng) với số tiền: 81.000.000 đồng, nhưng D cũng không viết biên lai thu tiền và không nộp tiền vào ngân sách xã PRT. Thấy D không nộp khoản thu tiền phí chợ vào ngân sách xã, Nguyễn Thị Mỹ Th tiếp tục báo cho ông Nguyễn Văn H biết sự việc và ngày 10/7/2017 ông H mời Nguyễn Thị Huyền D làm việc và yêu cầu D đến ngày 31/7/2017 phải nộp số tiền thu phí chợ 06 tháng là 162.000.000 đồng vào ngân sách xã, nhưng do không có tiền nộp nên D không viết biên lai thu tiền, sau đó đến đợt thu tiền phí chợ của tháng 7, tháng 8 năm 2017, D đến ông H và ông S tiếp tục thu tiền phí chợ các tháng 7, 8 năm 2017 với số tiền là: 54.000.000 đồng và không viết biên lai thu tiền phí chợ. Tổng cộng, Nguyễn Thị Huyền D, đã thu tiền phí chợ từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 8 năm 2017 (08 tháng) với số tiền là: 216.000.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu đồng); nhưng không viết biên lai thu tiền phí chợ cho ông Đặng Văn H, nên ông H nhiều lần gặp D, yêu cầu D viết biên lai thu tiền phí chợ của 08 tháng. Đến ngày 04/10/2017 Nguyễn Thị Huyền D lấy biên lai số 0058925 thu tiền phí, lệ phí (do Cục Thuế tỉnh Bình Thuận phát hành), ghi: Thu phí chợ của ông Đặng Văn H, từ tháng 01 đến tháng 8/2017, số tiền 216.000.000 đồng, D giao liên 2 cho ông H và liên 1 D giữ lại để nộp tiền vào ngân sách xã PRT, nhưng do số tiền: 216.000.000 đồng D đã chiếm đoạt sử dụng cho cá nhân nên không có tiền nộp vào ngân sách xã PRT.

Ngày 26/10/2017 Đội kiểm tra của Chi cục thuế huyện BB tiến hành kiểm tra biên lai, ấn chỉ, tiền thuế tại UBND xã PRT, phát hiện có 01 biên lai thu phí chợ ghi ngày 04/10/2017, số tiền: 216.000.000 đồng, nhưng không có giấy nộp tiền vào ngân sách xã PRT, nên Đội kiểm tra của Chi cục thuế huyện BB lập biên bản và yêu cầu Nguyễn Thị Huyền D nộp ngay số tiền: 216.000.000 đồng của khoản thu phí chợ (từ tháng 01 đến tháng 8 năm 2017) vào ngân sách Nhà nước của xã PRT, thì ngày 31/10/2017 D nộp số tiền: 216.000.000 đồng vào tài khoản ngân sách Nhà nước của xã PRT.

Về tang, vật chứng của vụ án:

- 01 (một) biên lai thu phí chợ từ T1 đến T8/2017 lập ngày 04/10/2017
- 02 (hai) biên lai thu phí chợ tháng 01/2017 lập ngày 21/5/2017
- 02 (hai) biên lai thu phí chợ tháng 02/2017 lập ngày 22/5/2017
- 02 (hai) biên lai thu phí chợ tháng 3/2017 lập ngày 26/5/2017
- 01 (một) giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 31/10/2017 số tiền: 216.000.000 đồng. Tất cả các tài liệu nói trên sẽ chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Về phần trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thị Huyền D đã nộp trả lại toàn bộ số tiền 216.000.000 đồng vào tài khoản của ngân sách Nhà nước xã PRT; đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu gì thêm, nên không xem xét giải quyết phần dân sự.

Tại Bản cáo trạng số 34/CT-VKS.HBB ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Huyền D về tội

“Tham ô tài sản” theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015(Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015(Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 353, Điều 38, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Huyền D mức án tù 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Không đề nghị.

Bị cáo Nguyễn Thị Huyền D không trình bày lời bào chữa, bị cáo nhất trí về lời luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Thị Huyền D trình bày: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Bình, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Huyền D thừa nhận bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PRT phân công thực hiện nhiệm vụ thu phí chợ PRT và nộp tiền vào ngân sách Nhà nước của xã PRT theo quy định (phân công bằng lời nói) từ năm 2016. Đến tháng 01/2017, D nảy sinh ý định lấy khoản tiền thu phí chợ để sử dụng vào mục đích cá nhân, nên D đã thu tiền của ông H là 13.500.000 đồng/tháng và ông S là 13.500.000 đồng/tháng nhưng không viết biên lai thu tiền, từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2017 thì ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PRT yêu cầu D phải viết biên lai thu tiền và nộp ngay số tiền vào ngân sách, D viết biên lai thu phí chợ các tháng 01, 02, 03 năm 2017 nhưng không có tiền nộp nên gạch chéo, hủy bỏ. Tiếp tục thu tháng 4, tháng 5, tháng 6, tháng 7 và tháng 8 năm 2017 nhưng không nộp vào ngân sách xã

PRT, với tổng cộng số tiền là 216.000.000 đồng. Đến ngày 31/10/2017 bị cáo D mới nộp số tiền 216.000.000 đồng vào ngân sách xã PRT.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; lời khai của nguyên đơn dân sự, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 8 năm 2017 bị cáo D đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao chiếm đoạt tổng số tiền 216.000.000 đồng của xã PRT. Do đó Bản cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình truy tố bị cáo theo khung hình phạt và điều luật đã viện dẫn trong cáo trạng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nghiêm trọng và thấy trước được hậu quả của hành vi nhưng bị cáo vẫn lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt số tiền 216.000.000 đồng, là xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan nơi bị cáo công tác, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Nhà nước. Do đó cần phải xử lý nghiêm nhằm đáp ứng cho công tác phòng, chống tham nhũng trong tình hình hiện nay và để củng cố lòng tin của nhân dân đối với Nhà nước.

[5]. *Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Nguyễn Thị Huyền D không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra đã thành khẩn khai báo, đã khắc phục hậu quả nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt 216.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước của xã PRT nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo như Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] *Về xử lý vật chứng vụ án:* Đối với số tiền 216.000.000 đồng bị cáo D đã nộp vào Ngân sách Nhà nước xã PRT. Tại phiên tòa đại diện phía nguyên đơn dân sự không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ vào*: Điểm d Khoản 2 Điều 353; Điều 38, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2017);

* *Tuyên bố*: Bị cáo Nguyễn Thị Huyền D phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

* *Xử phạt*: Bị cáo Nguyễn Thị Huyền D 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

* *Về án phí*: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Huyền D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm của Bị cáo; Nguyên đơn dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/8/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Bắc Bình;
- Công an huyện Bắc Bình;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- UBND địa P nơi b/c thường trú;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Tạ Văn Việt

Cao Thị Hồng Nguyễn T Anh